

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **132/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-9-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ N, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Kim Anh

Bà Bà Lê Thị Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Bá T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2012, tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, ông T thường nhậu nhẹt về đánh đập vợ. Nay bà L thấy vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng bà đã sống ly thân hơn một năm nay. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng ông T và bà L có một con chung tên là Huỳnh Bá N, sinh ngày 30-7-2013, hiện nay đang ở với mẹ. Khi ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Tại biên bản lấy lời khai ông Huỳnh Bá T ngày 15 tháng 7 năm 2021 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Bá T trình bày: Về hôn nhân, ông T và bà L tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L tự dẫn con về nhà mẹ ruột tại thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam cách đây hai năm. Từ đó đến nay, ông T sống một mình tại thôn T, xã L, huyện P. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý. Về nuôi con chung, vợ chồng ông T có 01 con chung tên là Huỳnh Bá N, sinh ngày 30-7-2013, hiện nay đang ở với mẹ. Nếu ly hôn, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, có 7 chỉ vàng cưới và 20.000.000 đồng tiền bán trâu hiện nay bà L đang giữ. Nếu ly hôn, ông T yêu cầu chia đôi tài sản chung. Về nợ chung, không có. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Bị đơn đã vi phạm các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung là Huỳnh Bá N cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Bà L khai không có tài sản, ông T khai có tài sản chung nhưng không có đơn yêu cầu và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan nên Tòa không thụ lý giải quyết, do đó không xem xét giải quyết về chia tài sản; về nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh Bá T cư trú tại thôn T, xã L, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Huỳnh Bá T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Huỳnh Bá T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của bà L và ông T là hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy, trong thời gian chung sống giữa bà L và ông T có nhiều bất đồng mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà L cho rằng ông T thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập bà L. Vợ chồng bà L và ông T đã ly thân cách đây hơn một năm. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 7 năm 2021, ông T khai “*Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L tự dẫn con về nhà mẹ ruột tại thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Quảng Nam cách đây hai năm. Từ đó đến nay ông T sống một mình tại thôn T, xã L, huyện P*”. Bà L xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bà L kiên quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm; về phía ông T, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định để yêu cầu ông T đến Tòa án để hòa giải nhưng ông T không đến Tòa, điều này thể hiện việc không coi trọng việc hàn gắn hạnh phúc gia đình của ông T. Thực tế thì bà L và ông T đã không cùng chung sống từ hơn 01 năm nay. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị L và ông Huỳnh Bá T ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên là Huỳnh Bá N, sinh ngày 30-7-2013, hiện nay đang ở với mẹ. Bà L và ông T đều có nguyện vọng được nuôi con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Xét thấy, từ khi vợ chồng không chung sống với nhau, cháu N ở với bà L, do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu N phát triển ổn định về thể lực và trí lực; bà L có công việc ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc con chung, phù hợp với nguyện vọng

của cháu Huỳnh Bá N là được ở cùng với mẹ nếu bà L và ông T ly hôn nên để tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển tâm, sinh lý, ổn định việc sinh hoạt và học tập của con chung, cần giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng con chung Huỳnh Bá N, sinh ngày 30-7-2013 đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông Huỳnh Bá T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bà L phù hợp với chi phí cho nhu cầu thiết yếu của con chung nên chấp nhận mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà L, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Bá N mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con chung theo quy định tại Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản: Bà L khai là không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T khai tài sản chung gồm có 7 chỉ vàng cưới và 20.000.000 đồng tiền bán trâu hiện nay bà L đang giữ, nếu ly hôn thì yêu cầu chia đôi tài sản chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có thông báo cho ông T làm đơn yêu cầu về việc chia tài sản chung và cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa để xem xét giải quyết, nhưng ông T không làm đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ về chia tài sản chung vợ chồng nên Tòa án không thụ lý giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà L và ông T khai là không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Huỳnh Bá T ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Bá N, sinh ngày 30-7-2013 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Bá T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Bá N, sinh ngày 30-7-2013 mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10-9-2021) cho đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ khi bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Bá T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004125, ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam. Bà L đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Huỳnh Bá T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tam L;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Long

